

Số: 15/2025/QĐST-HNGĐ

Cao Bằng, ngày 22 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân - gia đình thụ lý số: 08/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn, người bị phản tố: Anh Triệu Khi P, sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm T, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm T, xã C, tỉnh Cao Bằng);

2. Bị đơn, người phản tố: Chị Triệu Thúy D, sinh năm 1995

Địa chỉ: Xóm T, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm T, xã C, tỉnh Cao Bằng);

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, người phản tố Triệu Thúy D: Bà Ma Thị L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C2 - Ngân hàng C2 Chi nhánh tỉnh C - Phòng C2.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng giám đốc Ngân hàng C2.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đàm Thị T1 - Giám đốc Phòng C2.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Ngọc C - Phó Giám đốc Phòng C2.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 33, 37, 38, 39, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly

hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Triệu Khi P và chị Triệu Thúy D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ vợ chồng:

Anh Triệu Khi P và chị Triệu Thúy D nhất trí cùng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Anh Triệu Khi P và chị Triệu Thúy D cùng xác nhận A, Chị có 03 (ba) con chung tên cháu là Triệu Minh C1 sinh ngày 24-9-2013, cháu Triệu Minh T2 sinh ngày 22-11-2015 và cháu Triệu Thanh T3 sinh ngày 07-5-2018. Anh Triệu Khi P và chị Triệu Thúy D cùng thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn giao 03 (ba) con chung Triệu Minh C1, Triệu Minh T2 và Triệu Thanh T3 cho anh Triệu Khi P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Triệu Khi P tự nguyện không yêu cầu chị Triệu Thúy D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xác nhận, hiện nay con chung Triệu Minh C1, Triệu Minh T2 và Triệu Thanh T3 đang ở với chị Triệu Thúy D.

Chị Triệu Thúy D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con Triệu Minh C1, Triệu Minh T2 và Triệu Thanh T3 mà không ai được cản trở.

Anh Triệu Khi P cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Triệu Thúy D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Triệu Minh C1, Triệu Minh T2 và Triệu Thanh T3.

2.3. Về tài sản chung:

Anh Triệu Khi P và chị Triệu Thúy D cùng xác nhận A, Chị có tài sản chung là 01 (một) căn nhà gỗ, tuy nhiên anh P và chị D đã tự thỏa thuận với nhau nên cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về chia nợ chung:

Anh Triệu Khi P và chị Triệu Thúy D cùng xác nhận, hiện nay A, Chị đang có khoản nợ chung tại Ngân hàng C2 - Ngân hàng C2 Chi nhánh tỉnh C - Phòng C2 còn dư nợ 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Anh Triệu Khi P và chị Triệu Thúy D cùng thống nhất thỏa thuận phân chia nợ chung như sau: Anh Triệu Khi P chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ bao gồm cả gốc và lãi phát sinh đối với số tiền hiện nay còn dư nợ là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) tại Phòng C2. Người đại diện theo ủy quyền lại của Phòng C2 nhất trí với thỏa thuận phân chia nợ chung giữa anh Triệu Khi P và chị Triệu Thúy D.

2.5. Về án phí vụ án:

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Anh Triệu Khi P và chị Triệu Thúy D được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên lai số 0001900 ngày 26-6-2025 sẽ được hoàn trả lại cho anh Triệu Khi P.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Người bảo vệ QVLIHP của đương sự;
- VKSND khu vực 4 - Cao Bằng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- UBND xã Cần Yên, tỉnh Cao Bằng;
- Phòng THADS khu vực 4 - Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Dương Thị Hồng Vân